

## **75. NGHIÊN CỨU, ĐÁNH GIÁ ĐẶC ĐIỂM SINH THÁI NHÂN VĂN CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC DAO, MÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN PHỤC VỤ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI BỀN VỮNG**

**1. Tên đề tài:** Nghiên cứu, đánh giá đặc điểm sinh thái nhân văn cộng đồng dân tộc Dao, Mông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội bền vững.

**2. Tổ chức chủ trì đề tài:** Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy Bắc Kạn

**3. Chủ nhiệm đề tài:** Ths. Hoàng Hữu Quý

**4. Mục tiêu của đề tài:**

Nghiên cứu đặc điểm sinh thái nhân văn cộng đồng Dao, Mông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

**5. Kết quả thực hiện:**

**5.1. Đặc điểm nhân văn cộng đồng Dao, Mông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

- Dân tộc Dao: Theo điều tra dân số năm 1999 thì Bắc Kạn dân tộc Dao có 45.421 người, chiếm tỷ lệ 16,5% dân số toàn tỉnh và đứng vào hàng thứ 2 sau dân tộc Tày. Người Dao sinh sống trên địa bàn tỉnh, gồm: Dao đỏ (Dao Đại bản), Dao Quý Lâm, Dao tiền (còn gọi là Dao Tiểu bản, Dao đeo Tiền). Đồng bào Dao Bắc Kạn cư trú rải rác ở tất cả các huyện trong tỉnh, nhưng tập trung ở một số nơi như Ngân Sơn, Pác Nặm, Ba Bể, Chợ Đồn.

Về trang phục: trang phục người Dao Bắc Kạn rất cầu kỳ, nhất là trang phục phụ nữ, là dấu hiệu để nhận biết các dòng người Dao khác nhau.

Về đời sống văn hoá: Trong kho tàng văn hoá dân gian, truyện kể của người Dao bao gồm nhiều thể loại nhưng phát triển nhất là thể loại truyện cổ tích. Tục ngữ, thành ngữ tộc người Dao có nội dung chủ yếu về kinh nghiệm sản xuất, dự đoán thời tiết, giáo dục con cái...Câu đố được dùng trong các cuộc vui, các dịp gặp gỡ thể hiện dưới dạng thơ hoặc bài hát nói về vật dụng, cây cối, hoa quả, bộ phận cơ thể. Dân ca của người Dao gồm dân ca truyền miệng và dân ca sáng tác được thể hiện dưới dạng thất ngôn, ngũ ngôn. Văn hoá kiến trúc được thể hiện trong những ngôi nhà làm bằng gỗ, với bộ khung đơn giản, 3 - 5 gian...

Đồng bào Dao có mối quan hệ với các dân tộc khác từ lâu đời, quá trình sống đan xen người Dao Bắc Kạn đã hoá đồng cùng các dân tộc như Việt, Tày, Nùng.

- Dân tộc Mông: Theo số liệu điều tra năm 1999 có 14.770 người, chiếm 5,37% dân số toàn tỉnh, cư trú tại các thôn, bản thuộc các xã vùng cao, vùng xa hẻo lánh giáp các tỉnh bạn. Dân tộc Mông ở Bắc Kạn có nguồn gốc từ các bộ lạc Tam Miêu thời cổ xưa bên Trung Quốc, di cư vào các huyện Bảo Lạc, Thông Nông, Hà Quảng tỉnh Cao Bằng sang địa phận phía Bắc tỉnh Bắc Kạn.

Người Mông ở Bắc Kạn gồm các nhóm: Nhóm Mông trắng (Mông Đâu) tập trung chủ yếu ở huyện Ba Bể, Pác Nặm và rải rác ở huyện Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Đồn, Chợ Mới. Nhóm Mông đỏ (Mông Si hoặc Mông Lệnh) thường gọi là Mông Chài tập trung ở huyện Chợ Đồn. Nhóm Mông đen (Mông Đu, thường gọi là Na Miêu) có số dân ít nhất.

Trang phục đồng bào Mông Bắc Kạn cũng có những sắc thái riêng, sự khác biệt giữa các nhóm chủ yếu thông qua trang phục phụ nữ.

Đồng bào Mông cư trú từ lâu đời thường tạo thành làng có từ vài nhà, đến vài chục nóc nhà cùng dòng họ. Mặc dù trải qua thời kỳ lịch sử, địa bàn cư trú, điều kiện đời sống sinh hoạt sản xuất nhưng người Mông vẫn giữ được bản sắc văn hoá truyền thống dân gian phong phú. Các làn điệu dân ca tập trung vào chủ đề lứa đôi; nhạc cụ chủ yếu là sáo, khèn.

Hai cộng đồng Mông, Dao đều thuộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao. Người Dao không có văn tự riêng mà sử dụng văn tự Hán đã được Dao hoá gọi là Nôm Dao.

## **5.2. Mối quan hệ sinh thái nhân văn của các cộng đồng Dao và Mông Bắc Kạn**

### ***a. Các đặc điểm sinh thái nhân văn của các cộng đồng Dao và Mông Bắc Kạn***

Hoạt động kinh tế truyền thống, kinh tế phụ và kinh tế thiên nhiên của các cộng đồng Mông, Dao nhìn chung còn mang tính chất của nền kinh tế tài nguyên, phụ thuộc vào thiên nhiên, trong đó các sản phẩm nông - lâm nghiệp

dựa vào khai thác tài nguyên đất, rừng và phụ thuộc vào các điều kiện khí hậu, thời tiết, sâu bệnh...

Vấn đề triển khai khoa học, công nghệ vào sản xuất ở vùng cao chưa được thoả đáng, trong đó đáng kể nhất là việc triển khai chương trình ngô dinh dưỡng ở một số địa bàn như Chợ Đồn, Ba Bể không đạt kết quả do không có công nghệ bảo quản sau thu hoạch.

Việc phát triển cơ sở hạ tầng, như hệ thống giao thông, chợ vùng cao có ý nghĩa trong việc kích thích nhu cầu sản xuất, đáp ứng giao lưu hàng hoá, thay đổi tâm lý sản xuất và tâm lý tiêu dùng cho đồng bào vùng cao, từ đây giúp bà con tiếp cận với thâm canh tăng năng suất cây trồng, chuyển đổi sản xuất.

Về tôn giáo, tín ngưỡng: Việc thâm nhập của đạo tin lành, hiện tượng "thờ vua, đón chúa" trong những năm qua cũng có những lý do tâm lý. Cuộc sống đồng bào Mông với những tập tục thờ cúng, ma chay, cưới xin, lễ hội theo các nghi lễ tín ngưỡng truyền thống xét về khía cạnh kinh tế là một gánh nặng trong đời sống của các hộ gia đình. Bên cạnh đó những lễ nghi tốt cũng bị xoá bỏ như việc thờ cúng tổ tiên, biết ơn người có công, không còn các lễ hội dân gian...

Vấn đề văn hoá như các lễ hội, truyền thống tâm linh của cộng đồng chưa được phát huy thành bản sắc văn hoá, thành tiềm năng nhân văn phục vụ cho phát triển kinh tế du lịch, khơi dậy tiềm năng văn hoá cộng đồng. Còn ít các tác phẩm văn học sáng tác cho vùng cao; việc đưa các hoạt động văn hoá đến phục vụ nhiệm vụ chính trị ở vùng cao còn yếu, vì vậy đồng bào vùng cao đối cả đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần.

#### ***b. Kết quả nghiên cứu sinh thái trên các điểm mẫu:***

Đề tài đã chọn 11 xã của 4 huyện gồm: xã Yên Dương, Khang Ninh, Đồng Phúc (Ba Bể); An Thắng, Nghiêm Loan (Pác Nặm); Nam Cường, Bản Thi (Chợ Đồn); Lương Thượng, Kim Hỷ (Na Rì) để nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu cho thấy cộng đồng dân tộc Dao, Mông cư trú chủ yếu trên vùng cao, canh tác chủ yếu trên đất dốc với tập quán canh tác nương rẫy với cây trồng chính là lúa nương. Kinh tế truyền thống của hai cộng đồng Dao, Mông Bắc Kạn đặc trưng của nền kinh tế tài nguyên theo phương thức tự túc tự

cấp là chủ yếu, không có tích lũy bằng tiền mà chỉ tích lũy thóc, ngô và cũng chỉ tích từ vụ này sang vụ khác, vì vậy nếu xảy ra thiên tai, thất bát trong sản xuất thì đời sống gặp nhiều khó khăn.

Kinh tế tự nhiên còn chiếm một tỷ lệ quan trọng trong đời sống kinh tế gia đình của đồng bào, nhất là đồng bào Mông với hình thức thu hái lâm thổ sản, săn bắn thú rừng. Làm cho cuộc sống phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên do vậy tỷ lệ hộ đói nghèo trong cộng đồng này còn cao.

Kết quả khảo sát các xã có đồng bào Mông và Dao cư trú cho thấy an ninh lương thực chưa đảm bảo, chỉ có 2 xã Yên Dương và Thuận Mang đảm bảo lương thực đủ ăn. Còn các xã khác do quỹ đất canh tác không đủ nên tỷ lệ đói nghèo vẫn luôn cao ở các xã có các bản Mông cư trú. Sản xuất của các hộ người Dao ổn định hơn, ngoài thóc lúa họ còn trồng nhiều các lương thực, cây ăn quả khác. Ngoài ra số hộ đồng bào Dao được tiếp cận đến nguồn vốn vay lãi xuất thấp của Ngân hàng Nông nghiệp - PTNT đã tạo ra phong trào phát triển sản xuất, như chăn nuôi bò.

### ***c. Vấn đề đói nghèo trên vùng cao Bắc Kạn***

Số liệu điều tra cho thấy hiện tượng đói là phổ biến trong cộng đồng vùng cao, đặc biệt là trong các cộng đồng cư dân Mông mới đến định cư trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Hiện tượng đói nghèo xuất phát từ những nguyên nhân sau:

- Ít đất dẫn đến đói nghèo: Kết quả điều tra cho thấy bình quân Quỹ đất canh tác của người Mông chỉ bằng 1/6 nhu cầu đất canh tác theo phương thức cổ truyền hiện nay.

- Đông con, bố trí lao động trong gia đình chưa hợp lý.

- Điều kiện sống và sản xuất.

- Thể lực của người nghèo.

- Thiếu vốn, lao động, kinh nghiệm sản xuất, trình độ học vấn thấp.

### **5.3. Các giải pháp phát triển bền vững:**

- Giải pháp về cơ chế chính sách: Tập trung bảo vệ có hiệu quả vốn rừng hiện có và làm giàu rừng, nhất là rừng đặc dụng rừng phòng hộ; nhà nước hỗ trợ

và giao đất để đồng bào định canh, định cư và có thể sinh sống bằng nghề nông, nghề rừng và cho các nhà đầu tư để kinh doanh theo quy định của pháp luật...

- Giải pháp cho phát triển bền vững, gồm:

+ Những kinh nghiệm dân gian và tri thức địa phương về quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên các dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

+ Những kinh nghiệm khai bền vững trên đất dốc: mô hình nông lâm kết hợp.

+ Vấn đề phát triển bền vững trên vùng cao Bắc Kạn: Những nội dung cơ bản đạt được mục tiêu phát triển bền vững cho vùng đồi núi là lựa chọn và phổ biến các loại hình sử dụng đất thích hợp, dựa trên quan điểm kết hợp kinh tế với yếu tố xã hội và môi trường.

**6. Thời gian bắt đầu và kết thúc: 2002 -2003**

**7. Kinh phí thực hiện:**